

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HS-ST
Ngày 20-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Pha

Ông Bế Đức Thông

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Hồng Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2021/TLST-HS, ngày 20 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST - HS, ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1999 tại huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn E, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi tạm trú: Ngõ F, thôn H, xã D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang M, sinh năm 1976 và bà Bùi Thị O, sinh năm 1974; vợ: Vũ Thị U, sinh năm 2000, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 16-5-2021, tạm giam từ ngày 22-5-2021 đến nay; có mặt.

2. Trần Minh N, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1996 tại huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn E, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Ngõ F, thôn H, xã D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang M, sinh năm 1976 và bà Bùi Thị O, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử

lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 16-5-2021 đến ngày 22-5-2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Ngõ F, thôn H, xã D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Chị Vũ Thị B, sinh năm 2000; địa chỉ: Ngõ F, thôn H, xã D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Văn S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T và Trần Minh N là hai anh em ruột. Khoảng năm 2018, Trần Văn T có quen biết với người nam giới Trung Quốc thường gọi là A, khoảng 30 tuổi (không biết rõ họ, địa chỉ). Trần Văn T thường xuyên sử dụng tài khoản WechatID là: wxid_6xgniq7qd9r12 liên hệ tài khoản WechatID là: woshilierniu000 của A để trao đổi về việc vận chuyển hàng hóa và vận chuyển tiền Trung Quốc trái phép từ cửa khẩu N sang biên giới cho A với tiền công là 100.000 đồng/10.000 CNY.

Khoảng 15 giờ 30 ngày 16-5-2021, khi đang ở kho hàng số R, đường C, khu I, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn A dùng Wechat gọi, nhắn tin cho Trần Văn T bảo Trần Văn T đến kho Q ở chợ O bán buôn và kho P ở đường C lấy tiền Trung Quốc rồi mang qua khu vực hàng rào biên giới cho A. Trần Văn T đồng ý. Sau đó, Trần Văn T một mình điều khiển ô tô nhãn hiệu SUZUKI màu trắng, biển kiểm soát 075.94 đến kho Q ở chợ O bán buôn gặp và nhận từ Q 02 gói nilon màu đen, dán băng dính màu trắng. Q nói cho Trần Văn T biết bên trong 02 gói nilon có 80.000 CNY (tám mươi nhân dân tệ), Trần Văn T nhận tiền cất vào trong 01 túi xách bằng vải mang theo trên người rồi quay về kho số R. Tại đây, Trần Văn T thấy Trần Minh N đang chơi điện tử, Trần Văn T thuê Trần Minh N đi vận chuyển tiền qua biên giới, trả công 100.000 đồng/10.000 CNY. Trần Minh N đồng ý. Trần Văn T và Trần Minh N ra xe ô tô biển kiểm soát 12A-075.94, Trần Minh N ngồi lên ghế phụ, Trần Văn T điều khiển xe đi đến kho P rồi một mình xuống xe đi vào gặp P. Qua trao đổi, P lấy cho Trần Văn T 02 gói giấy màu trắng, dán băng dính trắng và nói cho Trần Văn T biết bên trong có 180.000 CNY (một trăm tám mươi nghìn nhân dân tệ). Trần Văn T cho tiền vào túi vải mang theo trên người (bên trong túi có tiền của Q) rồi quay ra xe ô tô. Trên xe, Trần Văn T chia số tiền của P và Q vào 02 túi giấy màu trắng có đặc điểm giống nhau rồi điều khiển xe chở Trần Minh N cùng số tiền trên đến nhà số U, bãi xe G, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tới nơi, Trần Văn T đưa 01 túi giấy có tiền của Q cho Trần Minh N và bảo Trần Minh N cầm tiền vào nhà số U đi ra

lối cửa sau để lên khu vực hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc giao tiền. Trần Minh N nhận túi tiền đi trước, Trần Văn T cầm 01 túi tiền của P đi sau. Khi Trần Minh N đi đến cửa sau nhà số U, Trần Văn T vừa đi vào trong nhà thì bị tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang về hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới.

Qua kiểm tra xác định số tiền trong 02 gói nilon màu đen, bọc bằng băng dính trắng do Trần Minh N nhận vận chuyển thuê cho Trần Văn T là 80.080 CNY (tám mươi nghìn không trăm tám mươi nhân dân tệ); số tiền trong 02 gói giấy màu trắng, bọc bằng băng dính trắng do Trần Văn T vận chuyển là 180.175 CYN (một trăm tám mươi nghìn một trăm bảy mươi năm nhân dân tệ).

Tang vật, tài sản thu giữ bao gồm:

- 01 (một) thùng bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, tại các phần giáp lai niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định là Nông Quang Phú, Nguyễn Xuân Đông, đóng dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, bên trong thùng có đựng tiền Trung Quốc là 80.080 CNY (tám mươi nghìn không trăm tám mươi nhân dân tệ).

- 01 (một) thùng bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, tại phần giáp lai niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định là Nông Quang Phú, Nguyễn Xuân Đông, đóng dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, bên trong thùng có đựng tiền Trung Quốc là 180.175 CNY (một trăm tám mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm nhân dân tệ).

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI màu trắng, biển kiểm soát 12A-075.94, đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi vải màu đen trắng, bên ngoài có chữ CHRISTIAN DIOR Paris.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu xanh, có số IMEI 1: 357266090888450, số IMEI 2: 357266091239349; gắn 01 sim số: 0968345623.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng, có số IMEI 1: 357293095107272, số IMEI 2: 357293095055828; gắn 01 sim số: 0978313196.

- 02 (hai) túi giấy màu trắng, bên ngoài túi in chữ JOMADLUAGE LONDON.

- 02 (hai) gói giấy màu trắng, dán băng dính trắng.

- 02 (hai) gói nilon màu đen, dán băng dính trắng.

Tại bản Kết luận giám định số 263/KLGD-PC09 ngày 19-5-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: “Toàn bộ số tiền Trung Quốc trong 02 (hai) hộp bìa cát tông niêm phong gửi giám định là tiền thật”.

Tại Công văn số 528/LAS-TH, NS&KSNB ngày 20-5-2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp tỷ giá xác định tỉ giá quy đổi tiền nhân dân tệ (CNY) ngày 16-5-2021 là: 1 CNY = 3.593,78 VND. Tại Biên bản xác định chuyển đổi tỷ giá ngoại tệ: 180.175 CNY = 647.509.312 VND; 80.080 CNY = 287.789.902 VND; tổng là: 260.255 CNY = 935.299.214 VND.

Tại bản Cáo trạng số 85/CT-VKS, ngày 19-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới theo quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trần Minh N phạm tội Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới theo quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không khai báo bổ sung. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội bản thân đã thực hiện là rất nghiêm trọng vi phạm pháp luật, nhưng do hám lời các bị cáo đã thực hiện việc chuyển tiền trái phép qua biên giới.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Bùi Thị H trình bày tại phiên tòa: chiếc xe ô tô SUZUKI màu trắng, biển kiểm soát 075.94 là của bà khi bị cáo sử dụng xe vào việc vận chuyển tiền trái phép bà không biết; hiện nay chiếc xe ô tô đã trả lại cho bà; bà không có ý kiến hay yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Vũ Thị U trình bày tại phiên tòa: Chị là chủ sở hữu của túi xách vải đen trắng, bên ngoài có chữ CHRISTIAN DIOR Paris. Ngày 16-5-2021 bị cáo Trần Văn T tự ý mang túi xách này của chị để sử dụng đựng tiền Trung Quốc; chị không biết. Chị cũng không yêu cầu lấy lại chiếc túi và không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Trần Minh N phạm tội vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Minh N từ 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng đến 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 1.000.000.000 (một tỷ) đồng đến 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 80.080 CNY (tám mươi nghìn không trăm tám mươi nhân dân tệ) và số tiền 180.175 CNY (một trăm tám mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm nhân dân tệ).

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) thùng bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, tại các phần giáp lai niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định là Nông Quang Phú, Nguyễn Xuân Đông, đóng dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn; 01 (một) túi vải màu đen trắng, bên ngoài có chữ CHRISTIAN DIOR Paris; 02 (hai) túi giấy màu trắng, bên ngoài túi in chữ JOMADLUAGE LONDON; 02 (hai) gói giấy màu trắng, dán băng dính trắng; 02 (hai) gói nilon màu đen, dán băng dính trắng.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu xanh, có số IMEI 1: 357266090888450, số IMEI 2: 357266091239349; gắn 01 sim số: 0968345623 của bị cáo Trần Văn T

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng, có số IMEI 1: 357293095107272, số IMEI 2: 357293095055828; gắn 01 sim số: 0978313196.

Các bị cáo Trần Văn T, Trần Minh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T, Trần Minh N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 16-5-2021, Kết luận giám định số 263/KLGĐ-PC09 ngày 19-5-2021; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16-5-2021, tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại bãi xe G thuộc khu I, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang Trần Văn T đang vận chuyển 180.175 CNY (một trăm tám mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm nhân dân tệ) tương ứng với số tiền 647.509.321 (sáu trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm linh chín nghìn ba trăm hai mươi một) đồng, Trần Minh N đang vận chuyển 80.080 CNY (tám mươi nghìn không trăm tám mươi nhân dân tệ) tương ứng với số tiền 287.789.902 (hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn chín trăm linh hai) đồng lên khu vực hàng rào biên giới để lấy tiền công. Vì vậy Trần Văn T phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền bị thu giữ (số tiền thu giữ của Trần Văn T và Trần Minh N) là 260.255 CNY (hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi năm nhân dân tệ) tương ứng với 935.299.214 (chín trăm ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi chín nghìn hai trăm mười bốn) đồng; Trần Minh N chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đã nhận vận chuyển là 80.080 CNY (tám mươi nghìn không trăm tám mươi) đồng tương ứng với số tiền 287.789.902 (hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn chín trăm linh hai) đồng vì Trần Minh N không biết Trần Văn T nhận tiền từ đâu, có bao nhiêu tiền, giữa hai bị cáo không có sự bàn bạc, thảo luận từ trước. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với Trần Văn T về tội Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới theo quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trần Minh N phạm tội về tội Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới theo quy định tại khoản 1 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Trần Văn T là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Trần Minh N là ít nghiêm trọng. Hành vi các bị cáo thực hiện đã gây ra những thiệt hại cho trật tự quản lý kinh tế, mà cụ thể là trật tự quản lý việc xuất, nhập khẩu tiền tệ đã bị xâm phạm, gây lũng đoạn thị trường trong nước. Các bị cáo đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vận chuyển tiền tệ trái phép qua biên giới là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lời nên các bị cáo đã phạm tội. Hiện nay việc đấu tranh phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội, do đó hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật, nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Trần Minh N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[7] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là rất nghiêm trọng, bị cáo Trần Minh N là ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trần Văn T là người trực tiếp liên lạc và nhận tiền Trung Quốc, trực tiếp cất giấu và vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới, có vai trò chính và tích cực trong vụ án. Bị cáo Trần Minh N là người giúp sức cho bị cáo Trần Văn T vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới, có vai trò thứ yếu so với bị cáo Trần Văn T. Xét thấy, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Các bị cáo là lao động tự do và tham gia việc kinh doanh cùng gia đình, các bị cáo có tài sản, có thu nhập. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Trần Văn T đã nộp được số tiền 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để bảo đảm thi hành án; bị cáo Trần Minh N đã nộp số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để bảo đảm thi hành án. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, có điều kiện để thi hành án trong trường hợp bị xử phạt tiền nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt các bị cáo hình phạt chính là phạt tiền vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Tuy nhiên các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên A, khoảng 30 tuổi, sử dụng Wechat ID là woshilierniu000, bị cáo Trần Văn T không biết rõ họ tên, địa chỉ và do điều kiện lãnh thổ nên cơ quan điều tra không thể xác minh, làm rõ.

[10] Đối với người Trung Quốc bị cáo Trần Văn T gọi là Q có tên tuổi cụ thể là YANG K (Dương K), sinh năm 1989, giới tính nam, quốc tịch Trung Quốc, nơi cư trú: P, thị B, Q, Trung Quốc và người gọi tên P là RAN YI I (Nhiệm Nghĩa I), sinh năm 1978, giới tính nữ, quốc tịch Trung Quốc, nơi cư trú số X thôn O, P, thị B, Q, Trung Quốc qua lấy lời khai và đối chất đều không nhận là người đưa tiền cho bị cáo Trần Văn T để vận chuyển sang Trung Quốc; việc đưa tiền không có người chứng kiến, không được thu âm, ghi hình nên không có căn cứ xử lý.

[11] Đối với chiếc xe ô tô SUZUKI màu trắng, biển kiểm soát 075.94 là phương tiện bị cáo Trần Văn T sử dụng để vận chuyển trái phép tiền tệ, qua điều tra xác định được đây là tài sản của bà Bùi Thị H là bác ruột của bị cáo Trần Văn T và Trần Minh N. Bà Bùi Thị H không biết việc bị cáo Trần Văn T sử dụng xe để vận chuyển trái phép tiền tệ, ngày 02-7-2021, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã ra trả lại chiếc xe ô tô cho bà Bùi Thị H theo Quyết định xử lý vật chứng số 23/QĐ-CQCSĐT và Biên bản về việc trả lại tài liệu, đồ vật ngày 02-7-2021.

[12] Đối với nhà số U, khu I, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là căn nhà trên đất của bà Lô Thị S từ năm 2012 (theo bản đồ địa chính Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) nhưng hiện nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngôi nhà để không nhiều năm nay, không ai trông giữ, quản lý. Hiện nay không xác định được bà Lô Thị S là ai, ở đâu; do vậy không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[13] Đối với Vũ Thị U, sinh năm 2000, trú tại: Ngõ F, thôn H, xã D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là vợ của bị cáo Trần Văn T và là chủ sở hữu của túi xách vải đen trắng, bên ngoài có chữ CHRISTIAN DIOR Paris. Ngày 16-5-2021 bị cáo Trần Văn T tự ý mang túi xách này của chị Vũ Thị U để sử dụng đựng tiền Trung Quốc; chị Vũ Thị U không biết, không tham gia phạm tội, do vậy cơ quan điều tra không đề nghị xử lý chị Vũ Thị U.

[14] Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn T khai nhận được vận chuyển tiền Trung Quốc từ xã T đưa sang hàng rào biên giới qua Trung Quốc nhiều lần, tuy nhiên bị cáo Trần Văn T không nhớ được chính xác ngày, số tiền được thuê vận chuyển, cơ quan điều tra không thu giữ được tang vật, do vậy chưa đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự bị cáo Trần Văn T với những lần vận chuyển này.

[15] Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 80.080 CNY (tám mươi nghìn không trăm tám mươi nhân dân tệ) và số tiền 180.175 CNY (một trăm tám mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm nhân dân tệ) vì công cụ phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) thùng bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, tại các phần giáp lai niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định là Nông Quang Phú, Nguyễn Xuân Đông, đóng dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn; 01 (một) túi vải màu đen trắng, bên ngoài có chữ CHRISTIAN DIOR Paris; 02 (hai) túi giấy màu trắng, bên ngoài túi in chữ JOMADLUAGE LONDON; 02 (hai) gói giấy màu trắng, dán băng dính trắng; 02 (hai) gói nilon màu đen, dán băng dính trắng vì là công cụ phạm tội, không có giá trị theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[17] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu xanh, có số IMEI 1: 357266090888450; số

IMEI 2: 357266091239349; gắn 01 sim số: 0968345623 của bị cáo Trần Văn T vì liên quan đến hành vi phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[18] Trả lại cho bị cáo Trần Minh N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng, có số IMEI 1: 357293095107272; số IMEI 2: 357293095055828; gắn 01 sim số: 0978313196 vì không liên quan đến hành vi phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[19] Các bị cáo Trần Văn T, Trần Minh N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[20] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, về việc xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] Các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 189; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 50, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Minh N.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Trần Minh N phạm tội Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới.

2. Về hình phạt

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn T số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Trần Văn T đã nộp bảo đảm thi hành án là 650.000.000 (sáu trăm năm mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0008258 ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (hiện số tiền trên được lưu giữ trong tài khoản số 359101054779 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn). Bị cáo Trần Văn T còn phải nộp tiếp số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng vào ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Trần Minh N số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Trần Minh N đã nộp bảo đảm thi hành án là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0008258 ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (hiện số tiền trên được lưu giữ trong tài khoản số 359101054779 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn). Bị cáo Trần Minh N còn phải nộp tiếp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 80.080 CNY (tám mươi nghìn không trăm tám mươi nhân dân tệ) và số tiền 180.175 CNY (một trăm tám mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm nhân dân tệ).

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) thùng bìa cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng, tại các phần giáp lai niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định là Nông Quang Phú, Nguyễn Xuân Đông, đóng dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn; 01 (một) túi vải màu đen trắng, bên ngoài có chữ CHRISTIAN DIOR Paris; 02 (hai) túi giấy màu trắng, bên ngoài túi in chữ JOMADLUAGE LONDON; 02 (hai) gói giấy màu trắng, dán băng dính trắng; 02 (hai) gói nilon màu đen, dán băng dính trắng.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu xanh, có số IMEI 1: 357266090888450; số IMEI 2: 357266091239349; gắn 01 sim số: 0968345623 của bị cáo Trần Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng, có số IMEI 1: 357293095107272; số IMEI 2: 357293095055828; gắn 01 sim số: 0978313196.

(Các vật chứng còn lại hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-8- 2021).

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Trần Minh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có QLVN liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh